



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ  
P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616  
[www.vaco.com.vn](http://www.vaco.com.vn) / [vaco HCM@vaco.com.vn](mailto:vaco HCM@vaco.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2014**

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Văn Sang  
Ông Phan Minh Sáng  
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt  
Ông Phan Trung Phương  
Ông Nguyễn Ngọc Bích  
Ông Bùi Xuân Trung  
Ông Phạm Văn Tuấn  
Ông Lý Thanh Tùng  
Ông Trương Tấn Lộc  
Ông Trần Văn Thuộc  
Ông Vũ Hồng Tuấn

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2014)  
Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2014)  
Thành viên  
Thành viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2014)  
Thành viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2014)  
Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2014)  
Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 10 năm 2014)  
Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2014)  
Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/04/2014)  
Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/04/2014)  
Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/04/2014)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phan Minh Sáng  
Ông Phạm Văn Tuấn  
Ông Đỗ Văn Thành  
Ông Lý Thanh Tùng

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23/05/2014)  
Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08/11/2014)  
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08/09/2014)  
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23/05/2014)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



**Phan Minh Sáng**  
Tổng Giám đốc  
Cần Thơ, ngày 23 tháng 01 năm 2015



Số: 001/VACO/BCKT.HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 01 năm 2015, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo kiểm toán năm trước được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, báo cáo kiểm toán số 05/2014/SVCT - BCKT ngày 26/02/2014 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



**Nguyễn Minh Hùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
kiểm Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận ĐKHN số 0294-2013-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2015



**Nguyễn Mạnh Thắng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận ĐKHN số 1826-2013-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>101.941.771.055</b>	<b>68.708.707.907</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>16.621.407.777</b>	<b>8.822.859.683</b>
1. Tiền	111		16.621.407.777	8.822.859.683
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>57.075.000.000</b>	<b>19.803.243.361</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		57.075.000.000	19.803.243.361
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.246.996.912</b>	<b>20.172.883.146</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	19.574.003.759	18.164.583.666
2. Trả trước cho người bán	132		3.272.349.740	7.223.961.042
3. Các khoản phải thu khác	135		376.863.333	353.880.078
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.976.219.920)	(5.569.541.640)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>8.842.084.388</b>	<b>16.239.158.259</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	8.842.084.388	16.239.158.259
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.156.281.978</b>	<b>3.670.563.458</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	54.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.817.984.978	3.379.563.458
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		338.297.000	237.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>218.412.823.937</b>	<b>136.354.539.414</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>45.102.464.561</b>	<b>50.998.525.038</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	11.572.843.642	15.000.269.119
- Nguyên giá	222		38.368.391.191	42.337.283.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.795.547.549)	(27.337.014.728)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	24.039.276.399	18.788.718.549
- Nguyên giá	228		24.175.640.034	18.925.082.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(136.363.635)	(136.363.635)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	9.490.344.520	17.209.537.370
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>173.310.359.376</b>	<b>85.356.014.376</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	173.310.359.376	83.310.359.376
2. Đầu tư dài hạn khác	258		-	2.045.655.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>320.354.594.992</b>	<b>205.063.247.321</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		01/01/2014	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>39.211.740.592</b>		<b>77.980.944.013</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>39.211.740.592</b>		<b>77.980.944.013</b>	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	27.946.806.828		55.547.283.761	
2. Phải trả người bán	312	13	1.042.450.375		18.605.714	
3. Người mua trả tiền trước	313		1.909.008.383		4.022.836.487	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		3.768.804.398		640.550.339	
5. Phải trả người lao động	315		1.628.196.380		2.283.193.293	
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	338.642.474		12.658.266.264	
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.577.831.754		2.810.208.155	
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>281.142.854.400</b>		<b>127.082.303.308</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>281.142.854.400</b>		<b>127.082.303.308</b>	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		158.129.150.000		83.129.150.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.666.797.196		2.389.610.000	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		127.728.500		127.728.500	
4. Cổ phiếu quỹ	414		-		(3.807.416.804)	
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		66.657.559.505		66.657.559.505	
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.903.486.997		26.953.486.997	
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lỗ lũy kế	420		25.658.132.202		(48.367.814.890)	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>320.354.594.992</b>		<b>205.063.247.321</b>	

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ USD	49,725.67	347,492.06
2. Ngoại tệ EUR	258.99	269.91



Phan Minh Sáng  
 Tổng Giám đốc  
 Tp. Cần Thơ, ngày 23 tháng 01 năm 2015

Trần Tấn Long Thạch  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Lê Long Điền  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		233.116.311.290	440.073.037.160
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	585.714.286
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	233.116.311.290	439.487.322.874
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	197.007.907.315	435.340.779.803
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.108.403.975	4.146.543.071
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	24.301.534.206	19.615.767.210
7. Chi phí tài chính	22	20	2.541.204.063	9.577.334.591
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		2.455.297.448	8.808.123.358
8. Chi phí bán hàng	24		5.942.822.610	8.740.197.712
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.864.443.425	8.338.504.417
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		45.061.468.083	(2.893.726.439)
11. Thu nhập khác	31		23.745.018.423	57.917.154.103
12. Chi phí khác	32		2.179.854.614	45.275.826.844
13. Lợi nhuận khác	40	21	21.565.163.809	12.641.327.259
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.626.631.892	9.747.600.820
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	5.070.057.300	2.762.460.342
16. Lợi nhuận sau thuế	60		61.556.574.592	6.985.140.478



Phan Minh Sáng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Cần Thơ, ngày 23 tháng 01 năm 2015

Trần Tấn Long Thạch  
Kế toán trưởng

Nguyễn Lê Long Điền  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	1	66.626.631.892
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	2	2.180.943.062
- Các khoản dự phòng	3	406.678.280
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	5	(31.577.027.585)
- Chi phí lãi vay	6	2.455.297.448
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	40.092.523.097
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	4.080.786.434
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	7.397.073.871
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(1.712.243.240)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	54.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.455.297.448)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.921.791.647)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(333.673.401)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>45.201.377.666</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.800.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	23.212.600.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(37.271.756.639)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(90.000.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	19.259.604.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(84.802.352.639)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	75.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	156.402.373.485
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(184.002.850.418)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>47.399.523.067</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>7.798.548.094</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>8.822.859.683</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>16.621.407.777</b>



Phan Minh Sáng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Cần Thơ, ngày 23 tháng 01 năm 2015

Trần Tấn Long Thạch  
Kế toán trưởng

Nguyễn Lê Long Điền  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, theo quyết định số 2500/QĐ-CT.UB ngày 25/07/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND Thành phố Cần Thơ).

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 9 ngày 02/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 02 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 158.129.150.000 đồng, tương đương 15.812.915 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Các cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Vốn góp (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước – Công ty TNHH (SCIC)	3.500.000	35.000.000.000	42%
Cổ đông khác	4.812.915	48.129.150.000	58%
<b>Cộng</b>	<b>8.312.915</b>	<b>83.129.150.000</b>	<b>100,00%</b>

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TSC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 29 người (tại ngày 31/12/2013 là 41 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Bán buôn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn gạo, thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh chế biến và bảo quản rau quả; Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác (trừ thịt động vật thuộc danh mục cấm); Bán buôn đồ uống; Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kinh doanh nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự; Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...), dịch vụ phục vụ đồ uống và các dịch vụ ăn uống khác; Kinh doanh hoạt động xử lý hạt giống để nhân giống: Các hoạt động lựa chọn những hạt giống đủ chất lượng thông qua việc loại bỏ những hạt không đủ chất lượng bằng cách sàng lọc, chọn một cách kỹ lưỡng để loại bỏ những hạt bị sâu, những hạt giống còn non, chưa khô để bảo quản trong kho - những hoạt động này bao gồm phơi khô, làm sạch, phân loại và bảo quản cho đến khi chúng được bán trên thị trường; Kinh doanh hoạt động xay xát và sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay (Tiếp theo)**

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công Ty CP Đầu Tư F.I.T.	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nông được TSC	Công ty con
Công ty Cổ Phần Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Miền Tây	Công ty con
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Quản lý chủ chốt



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	38.944.213	63.815.591
Tiền gửi ngân hàng	16.582.463.564	8.759.044.092
<b>Cộng</b>	<b>16.621.407.777</b>	<b>8.822.859.683</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Nông được TSC vay	-	19.803.243.361
Hợp tác đầu tư - Công ty Cổ phần Đầu tư FIT	18.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Hoa Sen Việt Nam	14.175.000.000	-
Cổ phiếu Công ty TNHH MTV Phân bón dầu khí Cà Mau	24.600.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>57.075.000.000</b>	<b>19.803.243.361</b>

Khoản tiền Công ty cho Công ty Cổ phần Nông được TSC vay được hưởng lãi suất là 7%/năm và không có tài sản đảm bảo. Trong năm, Công ty đã Thanh lý và thu hồi toàn bộ khoản cho vay này (bao gồm toàn bộ gốc và lãi).

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng mua phân bón	3.520.296.672	6.751.056.544
Phải thu khách hàng mua gạo	4.636.650.027	10.840.229.476
Phải thu khách hàng thuê tài sản	3.655.460.160	406
Phải thu tiền bán nông sản	7.761.596.900	573.297.240
<b>Cộng</b>	<b>19.574.003.759</b>	<b>18.164.583.666</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng hóa	8.842.084.388	16.239.158.259
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.842.084.388</b>	<b>16.239.158.259</b>

Chi tiết số dư hàng hóa như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phân bón	-	5.960.760.987
Gạo	7.051.436.923	10.278.397.272
Nông sản	1.790.647.465	-
<b>Cộng</b>	<b>8.842.084.388</b>	<b>16.239.158.259</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	30.051.892.117	6.189.699.664	6.095.692.066	42.337.283.847
Mua trong năm	-	47.000.000	-	47.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(402.622.590)	(3.613.270.066)	(4.015.892.656)
Tại ngày 31/12/2014	<u>30.051.892.117</u>	<u>5.834.077.074</u>	<u>2.482.422.000</u>	<u>38.368.391.191</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	17.216.613.692	5.662.564.029	4.457.837.007	27.337.014.728
Khấu hao trong năm	1.583.435.781	183.134.633	414.372.648	2.180.943.062
Thanh lý, nhượng bán	-	(332.622.586)	(2.389.787.655)	(2.722.410.241)
Tại ngày 31/12/2014	<u>18.800.049.473</u>	<u>5.513.076.076</u>	<u>2.482.422.000</u>	<u>26.795.547.549</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2014	<u>12.835.278.425</u>	<u>527.135.635</u>	<u>1.637.855.059</u>	<u>15.000.269.119</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>11.251.842.644</u>	<u>321.000.998</u>	<u>-</u>	<u>11.572.843.642</u>

Công ty đã sử dụng một số tài sản cố định để thế chấp cho các khoản vay. Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 15.602.317.549 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 11.314.092.015 đồng).

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị: VND*

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Bản quyền nhãn thuốc</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	18.788.718.549	136.363.635	18.925.082.184
Đầu tư XD CB hoàn thành	5.250.557.850	-	5.250.557.850
Tại ngày 31/12/2014	<u>24.039.276.399</u>	<u>136.363.635</u>	<u>24.175.640.034</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	-	136.363.635	136.363.635
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	<u>-</u>	<u>136.363.635</u>	<u>136.363.635</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2014	<u>24.039.276.399</u>	<u>-</u>	<u>24.039.276.399</u>
Tại ngày 01/01/2014	<u>18.788.718.549</u>	<u>-</u>	<u>18.788.718.549</u>

Quyền sử dụng đất của Công ty phần lớn là đất nông nghiệp với thời hạn sử dụng là 25 năm. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công ty có quyền tiếp tục gia hạn thời hạn thuê đất nông nghiệp khi hết hạn. Ban Giám đốc dự định Công ty sẽ tiếp tục gia hạn thuê đất trong tương lai, do đó Công ty không trích khấu hao cho các tài sản này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Mua đất chưa hoàn tất thủ tục chuyển sang tên	9.490.344.520	16.326.057.370
Chi phí đăng ký bán quyền nhân thuốc	-	550.780.000
Chi phí khảo nghiệm, đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	-	310.700.000
Lệ phí đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	-	22.000.000
	<b>9.490.344.520</b>	<b>17.209.537.370</b>

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	31.735.359.376	31.735.359.376
Công ty Cổ phần Nông dược TSC	141.575.000.000	51.575.000.000
<b>Cộng</b>	<b>173.310.359.376</b>	<b>83.310.359.376</b>

Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 35/NQ.HDQT ngày 11 tháng 09 năm 2014 và nghị quyết số 40/NQ.HDQT ngày 17 tháng 09 năm 2014, Công ty đã quyết định góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Nông dược TSC với tổng số tiền là 90.000.000.000 đồng. Trong năm, Công ty đã thực hiện góp đủ số tiền trên vào Công ty Cổ phần Nông dược TSC, trong đó góp 40.000.000.000 đồng bằng cán trừ công nợ và 50.000.000.000 đồng bằng tiền.

Theo báo cáo tài chính của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây và Công ty Cổ phần Nông dược TSC có lãi. Vì thế, Công ty không lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.

Tỷ lệ sở hữu vốn với 2 công ty con như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ Phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Thành phố Cần Thơ	95,45%	95,45%	Chế biến nông sản xuất khẩu
Công ty Cổ phần Nông dược TSC	Tỉnh Long An	78,65%	78,65%	Kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Cần Thơ	5.000.000.000	43.429.692.505
Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	-	2.280.008.891
Công ty CP Nông dược TSC (TSP)	13.495.813.814	-
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T	4.000.000.000	-
Đối tượng khác	5.450.993.014	9.837.582.365
	<b>27.946.806.828</b>	<b>55.547.283.761</b>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty để kinh doanh tinh bột sắn. Các khoản vay này có thời hạn 03 tháng chịu lãi suất 8,5%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty.

Khoản vay Công ty CP Nông dược TSC chịu lãi suất bằng với lãi tiền gửi ngân hàng và không có tài sản đảm bảo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hợp tác xã Thanh Phong	669.208.801	-
Công ty CP Thương mại Hồng Hà Phát	245.256.000	-
Công ty TNHH Thương mại Nam Ninh	104.891.875	-
Các đối tượng khác	23.093.701	18.605.714
	<u>1.042.450.377</u>	<u>18.605.714</u>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bộ thương mại	85.000.000	85.000.000
Cổ tức phải trả (*)	-	12.469.372.500
Trích kinh phí công đoàn	20.578.530	-
Quỹ sắp xếp doanh nghiệp	45.300.743	-
Các khoản khác	187.763.201	103.893.764
	<u>338.642.474</u>	<u>12.658.266.264</u>

(\*) Cổ tức phải trả phản ánh số cổ tức được chia từ kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2011 trở về trước mà Công ty chưa thanh toán cho Cổ đông. Trong năm, theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐQT ngày 08/11/2014 của Đại hội cổ đông bất thường Công ty đã biểu quyết thông qua việc thay đổi phương án chi trả cổ tức năm 2011: Theo đó, cổ tức năm 2011 sẽ được chi trả với giá trị là 11.069.040.000 đồng bằng cổ phiếu thay vì bằng tiền như phương án trước đây. Do đó, Công ty hạch toán chuyển toàn bộ khoản phải trả cổ tức này về chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và sẽ lấy nguồn từ đây để chi trả cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nêu trên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**  
 ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
 Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

*Đơn vị: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2013	83.129.150.000	2.389.610.000	127.728.500	(3.807.416.804)	66.657.559.505	26.953.486.997	(55.312.955.368)	120.137.162.830
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	6.985.140.478	6.985.140.478
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	-	(40.000.000)	(40.000.000)
Số dư tại 31/12/2013	83.129.150.000	2.389.610.000	127.728.500	(3.807.416.804)	66.657.559.505	26.953.486.997	(48.367.814.890)	127.082.303.308
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	61.556.574.592	61.556.574.592
Tăng vốn trong năm	75.000.000.000	-	-	-	-	-	-	75.000.000.000
Bán cổ phiếu quỹ	-	1.292.583.196	-	3.807.416.804	-	-	-	5.100.000.000
Giảm cổ tức phải trả 201	-	-	-	-	-	-	12.469.372.500	12.469.372.500
Giảm khác	-	(15.396.000)	-	-	-	(50.000.000)	-	(65.396.000)
Số dư tại 31/12/2014	158.129.150.000	3.666.797.196	127.728.500	-	66.657.559.505	26.903.486.997	25.658.132.202	281.142.854.400

Trong năm, Công ty đã bán 300.000 cổ phiếu quỹ với giá trị chuyển nhượng 5.100.000.000 đồng, chi phí chuyển nhượng là 15.396.000 đồng.

Trong giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 22/07/2014, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T với số lượng 7.500.000 cổ phiếu, tương đương giá trị là 75.000.000.000 đồng, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên thành 158.129.150.000 đồng.

Trong năm, theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐQT ngày 08/11/2014 của Đại hội cổ đông bất thường Công ty đã biểu quyết thông qua việc thay đổi phương án chi trả cổ tức năm 2011: Theo đó, cổ tức năm 2011 sẽ được chi trả với giá trị là 11.069.040.000 đồng bằng cổ phiếu thay vì bằng tiền như phương án trước đây. Do đó, Công ty hạch toán chuyển toàn bộ khoản phải trả cổ tức này về chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và sẽ lấy nguồn từ đây để chi trả cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nêu trên.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

*Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD sửa đổi lần thứ 9 ngày 02 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 158.129.150.000 đồng. Tại ngày 31/12/2014, vốn điều lệ đã được các thành viên góp đủ như sau:

STT	Cổ đông	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 01/01/2014	
		Số tiền	Tỉ lệ	Số tiền	Tỉ lệ
1	Công Ty CP Đầu Tư F.I.T.	102.805.000.000	65,01%	-	0,00%
2	Tổng công ty kinh doanh vốn nhà nước	-	0,00%	35.000.000.000	42,10%
3	Cổ đông khác	55.324.150.000	34,99%	48.129.150.000	57,90%
	<b>Cộng</b>	<b>158.129.150.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>83.129.150.000</b>	<b>100,00%</b>

Trong năm, Tổng Công ty kinh doanh vốn Nhà nước đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của mình cho các cổ đông cá nhân với tổng số cổ phiếu chuyển nhượng là 3.500.000 Cổ phiếu tương đương với 35 tỷ đồng. Tiếp theo, trong giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 22/07/2014, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T với số lượng 7.500.000 cổ phiếu, tương đương giá trị là 75.000.000.000 đồng, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên thành 158.129.150.000 đồng. Công ty cũng đã hoàn thành thủ tục sửa đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 9 ngày 02/12/2014 phù hợp với tình hình biến động vốn điều lệ nêu trên.

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán phân bón	2.669.990.476	238.859.965.189
Doanh thu bán gạo	125.157.303.875	197.220.563.475
Doanh thu bán nông sản	52.079.974.311	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.520.499.904	3.406.794.210
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	24.630.870.000	-
Doanh thu bán sản phẩm khác - Xi măng	19.057.672.722	-
	<b>233.116.311.288</b>	<b>439.487.322.874</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán phân bón	5.960.760.991	241.840.690.296
Giá vốn bán gạo	124.446.624.276	192.850.995.506
Giá vốn bán nông sản	45.442.182.131	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	649.094.001	649.094.001
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	1.585.155.000	-
Giá vốn bán sản phẩm khác - Xi măng	18.924.090.916	-
	<b>197.007.907.315</b>	<b>435.340.779.803</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
 Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.483.507	82.163.161
Chi phí nhân công	4.780.200.992	6.562.356.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.531.849.062	863.071.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.970.050.746	6.504.562.587
Chi phí khác	1.482.681.728	1.117.006.558
	<b>12.807.266.035</b>	<b>15.129.160.490</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.649.186.492	2.123.821.356
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	155.272.959	35.845.399
Lãi chậm thanh toán	270.890.340	2.845.861.958
Cổ tức	9.096.839.415	14.610.238.497
Lãi bán cổ phiếu	12.129.345.000	-
	<b>24.301.534.206</b>	<b>19.615.767.210</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi vay	2.455.297.448	8.808.123.358
Lỗ chênh lệch tỷ giá	85.906.615	769.211.233
	<b>2.541.204.063</b>	<b>9.577.334.591</b>

**21. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Nhượng bán tài sản dài hạn	23.212.600.000	56.500.000.000
Thu nhập khác	532.418.423	1.417.154.103
<b>Tổng thu nhập khác</b>	<b>23.745.018.423</b>	<b>57.917.154.103</b>
Chi phí nhượng bán tài sản dài hạn	2.179.762.414	44.984.224.127
Chi phí truy thu thuế và vi phạm hành chính	-	290.981.307
Chi khác	92.200	621.410
<b>Tổng chi phí khác</b>	<b>2.179.854.614</b>	<b>45.275.826.844</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>21.565.163.809</b>	<b>12.641.327.259</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>66.626.631.892</b>	<b>9.747.600.820</b>
<i>Trong đó</i>		
<b>Lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng BĐS</b>	<b>23.045.715.000</b>	<b>11.049.841.368</b>
Thuế suất	22%	25%
<b>Thuế TNDN cho hoạt động chuyển nhượng BĐS</b>	<b>5.070.057.300</b>	<b>2.762.460.342</b>
<b>Thu nhập từ hoạt động SXKD</b>	<b>43.580.916.892</b>	<b>(1.302.240.548)</b>
<i>Điều chỉnh giảm thu nhập không chịu thuế</i>		
Thu nhập từ cổ tức	(9.096.839.417)	(14.610.238.497)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>34.484.077.475</b>	<b>(15.912.479.045)</b>
Chuyển lỗ	(34.484.077.475)	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<b>Thuế TNDN cho hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.070.057.300</b>	<b>2.762.460.342</b>

Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 22% trên tổng thu nhập chịu thuế (năm 2013: 25%).

Công ty có một số khoản lỗ phát sinh từ hoạt động kinh doanh từ các kỳ trước và sẽ được trừ liên tục vào thu nhập chịu thuế trong 05 năm tiếp theo. Cụ thể như sau:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số tiền (VND)	Số lỗ đã chuyển (VND)	Số còn được chuyển (VND)
2012	2013 – 2017	59.041.519.038	(34.484.077.475)	24.557.441.563
2013	2014 – 2018	15.912.479.045	-	15.912.479.045

**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản vay	27.946.806.828	55.547.283.761
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	16.621.407.777	8.822.859.683
Nợ thuần	11.325.399.051	46.724.424.078
Vốn chủ sở hữu	281.142.854.400	127.082.303.308
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>4,03%</b>	<b>36,77%</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi số	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.621.407.777	8.822.859.683
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.974.647.172	12.948.922.104
Đầu tư ngắn hạn	57.075.000.000	19.803.243.361
Đầu tư dài hạn khác	-	2.045.655.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>87.671.054.949</b>	<b>43.620.680.148</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	27.946.806.828	55.547.283.761
Phải trả người bán và phải trả khác	1.042.450.375	18.605.714
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.989.257.203</b>	<b>55.565.889.475</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.621.407.777	-	-	16.621.407.777
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.974.647.172	-	-	13.974.647.172
Đầu tư ngắn hạn	57.075.000.000	-	-	57.075.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>87.671.054.949</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>87.671.054.949</b>
Các khoản vay	27.946.806.828	-	-	27.946.806.828
Phải trả người bán và phải trả khác	1.042.450.375	-	-	1.042.450.375
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.989.257.203</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>28.989.257.203</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>58.681.797.746</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>58.681.797.746</b>
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.822.859.683	-	-	8.822.859.683
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.948.922.104	-	-	12.948.922.104
Đầu tư ngắn hạn	19.803.243.361	-	-	19.803.243.361
Đầu tư dài hạn khác	-	-	2.045.655.000	2.045.655.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.575.025.148</b>	<b>-</b>	<b>2.045.655.000</b>	<b>43.620.680.148</b>
Các khoản vay	55.547.283.761	-	-	55.547.283.761
Phải trả người bán và phải trả khác	18.605.714	-	-	18.605.714
Chi phí phải trả	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>55.565.889.475</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>55.565.889.475</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(13.990.864.327)</b>	<b>-</b>	<b>2.045.655.000</b>	<b>(11.945.209.327)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây</b>		
Doanh thu cho thuê tài sản	9.230.467.435	1.586.237.507
Cổ tức nhận được	8.934.839.417	14.610.238.497
Nhận tiền vay	11.000.000.000	59.043.066.024
Trả nợ gốc vay	13.280.008.891	49.400.834.058
Chi phí lãi vay	183.517.377	833.051.324
<b>Công ty Cổ phần Nông dược TSC</b>		
Góp vốn	90.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn (cho vay)	25.820.000.000	1.117.099.314
Thu hồi đầu tư ngắn hạn (nhận trả nợ gốc vay)	45.675.843.443	1.429.090.361
Thu nhập lãi cho vay	1.670.772.827	1.976.316.561
Nhận tiền vay ngắn hạn	53.943.671.323	-
Trả nợ gốc vay	40.447.857.509	-
Chi phí lãi vay	343.671.323	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T.</b>		
Nhận vốn góp	75.000.000.000	-
Nhận tiền vay	25.350.000.000	-
Trả nợ gốc vay	21.350.000.000	-
Chi phí lãi vay	128.520.832	-
Hợp tác đầu tư	58.650.000.000	-
Thu hồi các khoản hợp tác đầu tư	40.350.000.000	-
Lãi hợp tác đầu tư	434.970.139	-
Số dư với các bên liên quan:		
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây</b>		
Phải thu khách hàng	8.892.188.180	-
Vay ngắn hạn	-	2.280.008.891
<b>Công ty Cổ phần Nông dược TSC</b>		
Đầu tư ngắn hạn (cho vay)	-	19.855.843.443
Vay ngắn hạn	13.495.813.814	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T.</b>		
Đầu tư ngắn hạn (cho vay)	18.300.000.000	-
Vay ngắn hạn	4.000.000.000	-
<b>Thu nhập của Ban Giám Đốc</b>		
	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Tổng thu nhập	1.332.454.000	1.288.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

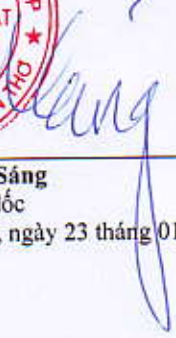
Theo nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường số 49/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 11 năm 2014, Công ty thống nhất phương án phát hành thêm 131.835.171 cổ phần. Sau ngày 31/12/2014, Công ty đang triển khai thực hiện kế hoạch tăng vốn này.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán. Riêng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được lập theo phương pháp tiếp nên không so sánh được với số liệu kỳ này được lập theo phương pháp gián tiếp.



  
Phan Minh Sáng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Cần Thơ, ngày 23 tháng 01 năm 2015

  
Trần Tấn Long Thạch  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Lê Long Điền  
Người lập biểu